



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2009
ĐÃ KIỂM TOÁN
Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 53 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3821.402; Fax: 0511. 3822.867

Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
3. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009	10
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009	11 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Thành lập

Công ty là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000681 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần III Ngày cấp: 19/06/2009

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 53 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.

2. Hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ các mặt hàng hóa chất phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, tiêu dùng, các loại phân bón, thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa, hạt nhựa, sản phẩm nhựa, các loại hóa chất cơ bản, bao bì, sản phẩm trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh, chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí công nghiệp và dân dụng, các loại máy móc thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện dân dụng và công nghiệp, máy tính, sản phẩm tin học, phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng làm việc;
- Bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho vận, kinh doanh vận tải hàng hóa;

3. Các thành viên Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Nguyễn Đình Huỳnh	Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Tấn Nghinh	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Phú Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Trần Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc - TP.Tài chính Quản trị

4. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 được tóm tắt như sau:

	<i>Đơn vị: VND</i>
- Doanh thu	675.315.791.618
- Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	55.060.728.335

5. Tình hình thực hiện vốn góp của nhà đầu tư

Tính đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp vốn vào Công ty số tiền như sau:

Cổ đông	Vốn góp đến ngày 31/12/2009	
	Đơn vị tính: VND	%
Vốn góp Nhà nước	5.771.870.000	37.3%
Vốn góp của các cổ đông khác	9.685.220.000	62.7%
Cộng	15.457.090.000	

6. Sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

7. Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VN đã được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ phần mềm T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong các năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ PHẦN MỀM T.D.K
TDK Auditing and Software Service Co., Ltd.

Số : 208 /TDK-KT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập ngày 15 tháng 01 năm 2010, từ trang 6 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của Kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Đào Ngọc Hoàng

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0106/KTV

Thay mặt và đại diện

CN Công ty TNHH Kiểm toán và DVPM T.D.K

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2010

Trần Hoàng Hạ

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1500/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MS	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		144.275.777.404	99.733.244.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.423.953.317	5.854.181.481
1. Tiền	111	01	6.423.953.317	5.854.181.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	02	11.340.000.000	345.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.550.000.000	550.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(210.000.000)	(205.000.000)
III. Các khoản phải thu	130		35.028.032.860	14.443.477.083
1. Phải thu khách hàng	131		20.817.344.986	10.367.951.152
2. Trả trước người bán	132		318.500.845	3.225.645.563
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.361.753.816	1.398.231.526
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	03	8.763.395.656	238.663.493
6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(232.962.443)	(787.014.651)
IV. Hàng tồn kho	140	04	88.196.739.552	77.914.896.365
1. Hàng tồn kho	141		88.196.739.552	90.542.032.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(12.627.136.603)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.287.051.675	1.175.689.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	05	72.095.238	11.149.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.275.281.621	274.597.729
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	06	1.939.674.816	889.942.726
B. Tài sản dài hạn	200		44.500.332.687	43.751.580.637
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.370.332.687	43.651.580.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	28.815.601.408	28.375.119.636
- Nguyên giá	222		78.550.029.380	64.642.226.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.734.427.972)	(36.267.107.078)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	08	15.207.075.976	15.217.370.092
- Nguyên giá	228		15.228.497.208	15.228.497.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.421.232)	(11.127.116)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	347.655.303	59.090.909
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		130.000.000	100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	130.000.000	100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.776.110.091	143.484.825.113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***Mẫu B 01 – DN***Đơn vị: VND*

NGUỒN VỐN	MS		Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		114.834.881.405	119.482.736.283
I. Nợ ngắn hạn	310		103.195.530.223	97.620.959.636
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	75.318.746.793	28.814.395.159
2. Phải trả cho người bán	312		6.109.517.541	33.991.786.292
3. Người mua trả tiền trước	313		9.567.487.195	15.461.259.511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.817.813.729	44.072.030
5. Phải trả người lao động	315		1.969.556.739	3.028.337.427
6. Chi phí phải trả	316	13	498.555.743	7.972.960.828
7. Phải trả nội bộ	317		2.923.091.700	1.101.304.987
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.990.760.783	7.206.843.402
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.639.351.182	21.861.776.647
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.775.980.611	11.907.308.871
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		1.574.396.544	1.261.775.276
3. Phải trả dài hạn khác	333		50.000.000	50.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.992.950.000	8.624.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		27.249.027	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	16	218.775.000	18.692.500
B. Vốn chủ sở hữu	400		73.941.228.686	24.002.088.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	73.153.079.017	23.280.432.261
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.457.090.000	12.361.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.481.860	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.537.817	127.537.817
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(22.018.140)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.663.124.707	4.101.223.637
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		193.444.758	54.948.758
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52.654.399.875	6.656.840.189
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		788.149.669	721.656.569
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		788.149.669	721.656.569
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.776.110.091	143.484.825.113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Mẫu B 01 – DN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		6.002.928.984	6.002.928.984
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.622.290.693	1.622.290.693
5. Ngoại tệ các loại (USD)		200	200
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2010***Người lập biểu****TP.Tài chính Quản trị****Tổng Giám đốc****Hoàng Trung Dũng****Nguyễn Đình Huỳnh**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Mẫu B 02 – DN***Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009**Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Tổng doanh thu	01	18	675.315.791.618	450.124.968.346
2. Các khoản giảm trừ	02	19	6.646.559.524	4.857.143
3. Doanh thu thuần	10	20	668.669.232.094	450.120.111.203
4. Giá vốn hàng bán	11	21	593.034.070.278	421.858.081.755
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		75.635.161.816	28.262.029.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	328.730.976	571.601.620
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	3.077.598.676	11.578.791.497
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.077.598.676	11.578.791.497
8. Chi phí bán hàng	24		6.350.570.177	5.794.038.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.750.999.608	8.278.248.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.784.724.331	3.182.552.986
11. Thu nhập khác	31		8.657.666.126	1.163.187.134
12. Chi phí khác	32		12.381.662.122	456.322.066
13. Lợi nhuận khác	40		(3.723.995.996)	706.865.068
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.060.728.335	3.889.418.054
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	24	4.817.813.729	527.135.985
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.242.914.606	3.362.282.069
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2010***Người lập biểu****TP.Tài chính Quản trị****Tổng Giám đốc****Hoàng Trung Dũng****Nguyễn Đình Huỳnh**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Mẫu B 03 – DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	02		684.503.272.680	483.040.693.107
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	03		(676.027.068.203)	(387.788.053.869)
3. Tiền chi trả cho người lao động	04		(13.181.970.813)	(9.393.747.317)
4. Tiền chi trả lãi vay	05		(3.231.322.924)	(11.692.683.454)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	06		(44.150.443)	(482.985.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			14.012.277.555	56.095.430.844
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(41.315.543.573)	(57.704.093.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08		(35.284.505.721)	72.074.560.038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	09		(1.825.441.585)	(14.061.589.575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	11		(19.200.000.000)	(66.445.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	12		14.200.000.000	66.447.012.306
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	13		(30.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	14			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15		137.938.508	336.268.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20		(6.717.503.077)	(13.723.308.374)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	21		3.090.190.000	1.438.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	22		(2.306.986.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	23		439.408.837.407	203.517.017.625
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	24		(394.535.535.773)	(259.349.066.792)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	25		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	26		(3.084.725.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		42.571.780.634	(54.403.649.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		569.771.836	3.947.602.497
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.854.181.481	1.906.578.984
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái thay đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.423.953.317	5.854.181.481

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

TP.Tài chính Quản trị

Tổng Giám đốc

Hoàng Trung Dũng

Nguyễn Đình Huỳnh

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000681 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần III Ngày cấp: 19/06/2009

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 53 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ các mặt hàng hóa chất phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, tiêu dùng, các loại phân bón, thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa, hạt nhựa, sản phẩm nhựa, các loại hóa chất cơ bản, bao bì, sản phẩm trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh, chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí công nghiệp và dân dụng, các loại máy móc thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện dân dụng và công nghiệp, máy tính, sản phẩm tin học, phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng làm việc;
- Bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho vận, kinh doanh vận tải hàng hóa;

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức Kế toán: Nhật ký Sổ Cái.

IV. Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng sử dụng để lập Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

V.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 của Bộ Tài chính.

V.3. Ghi nhận tiền lương

Quỹ tiền lương được quyết định thông qua Hội đồng quản trị của Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng.

V.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 của Bộ Tài chính.

V.5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V.6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, phải trả nội bộ, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

V.7. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng.

Đối với công cụ, dụng cụ thì thời gian phân bổ tối đa là 2 năm.

V.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

V.9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: áp dụng theo phương pháp khấu trừ với các mức thuế suất:

Sản phẩm chất tẩy rửa các loại, gia công, dịch vụ:	10%
Sản phẩm, hàng hóa là phân bón các loại:	5%
Sản phẩm cơ khí công nghiệp:	5%
Hàng hóa là hóa chất cho nguyên liệu sản xuất:	5%
Sản phẩm, hàng hóa ngành nhựa:	10%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - + Thuế suất thuế TNDN là 25% .
 - + Doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty Cổ phần từ ngày 01/07/2005 nên được miễn thuế TNDN phải nộp trong vòng 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2006, 2007 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo 2008, 2009, 2010 . Đồng thời được miễn giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm nay theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 12 năm 2008.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01- Tiền

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	125.583.294	101.841.403
<i>Tại văn phòng công ty</i>	<i>123.320.349</i>	<i>97.900.424</i>
<i>Tại XN Cơ khí</i>	<i>80.403</i>	<i>1.733.908</i>
<i>Tại XN Bao bì</i>	<i>2.182.542</i>	<i>2.207.071</i>
- Tiền gửi ngân hàng	6.298.370.023	5.752.340.078
<i>Tại văn phòng công ty</i>	<i>4.761.727.218</i>	<i>4.904.336.138</i>
<i>Tại XN Cơ khí</i>	<i>1.313.484.007</i>	<i>804.257.320</i>
<i>Tại XN Bao bì</i>	<i>223.158.798</i>	<i>43.746.620</i>
Cộng	6.423.953.317	5.854.181.481

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	6.550.000.000	550.000.000
<i>Cổ phiếu của Đạm Phú Mỹ</i>	<i>550.000.000</i>	<i>550.000.000</i>
<i>Cổ phiếu của CTCP Kỹ nghệ KS Quảng Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	5.000.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại CN NH Công thương Đà Nẵng</i>	<i>5.000.000.000</i>	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(210.000.000)	(205.000.000)
Cộng	11.340.000.000	345.000.000

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu khác	8.763.395.656	238.663.493
<i>BHXX, BHYT của Công nhân viên</i>	<i>88.893.290</i>	-
<i>XN Hóa chất và phân bón ĐN tại Hòa Khánh</i>	<i>165.000.000</i>	<i>140.000.000</i>
<i>XN Hóa chất và phân bón ĐN tại Kim Liên</i>	-	<i>14.748.000</i>
<i>XN bao bì</i>	<i>236.235</i>	-
<i>Công ty CP DV Tổng hợp Cảng Đà Nẵng</i>	<i>31.240.650</i>	-
<i>CN Cty CP Bảo hiểm Petrolimex miền Trung</i>	<i>338.964.290</i>	-
<i>Cty CP Bảo hiểm Dầu khí - Khu vực Đà Nẵng</i>	<i>8.128.368.000</i>	-
<i>Thuế TNCN</i>	<i>6.693.191</i>	<i>79.915.493</i>
<i>Phan Trung Hải</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
Cộng	8.763.395.656	238.663.493

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

04- Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	81.022.815.434	82.118.336.318
- Công cụ, dụng cụ trong kho	229.111.820	163.603.136
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.695.375.172	857.084.999
- Thành phẩm tồn kho	5.242.036.946	7.403.008.515
- Hàng hóa tồn kho	7.400.180	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(12.627.136.603)
Cộng	88.196.739.552	77.914.896.365

05- Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	72.095.238	11.149.092
Chi phí CCDC chờ phân bổ tại XN bao bì	12.662.727	11.149.092
Chi phí CCDC chờ phân bổ tại XN cơ khí	59.432.511	-
Cộng	72.095.238	11.149.092

06- Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng	1.906.323.262	575.837.810
Tại văn phòng công ty	1.852.314.520	566.767.310
Tại XN Cơ khí	48.700.000	8.200.000
Tại XN Bao bì	5.308.742	870.500
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.351.554	314.104.916
Tại văn phòng công ty	13.351.554	14.104.916
Tại XN Cơ khí	2.000.000	300.000.000
Cộng	1.939.674.816	889.942.726

07- Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.619.225.785	31.697.170.829	3.194.679.574	2.131.150.526	64.642.226.714
- Mua trong năm	-	652.815.020	56.529.264	194.198.733	903.543.017
- Đầu tư XD CB hoàn thành	12.836.659.159	61.500.000		-	12.898.159.159
- Tăng khác	19.445.455	86.655.035			106.100.490
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối năm	40.475.330.399	32.498.140.884	3.251.208.838	2.325.349.259	78.550.029.380
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.833.579.422	20.133.150.002	2.393.227.607	1.907.150.047	36.267.107.078
- Khấu hao trong năm	4.561.381.692	8.435.265.699	361.198.490	109.475.013	13.467.320.894
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối năm	16.394.961.114	28.568.415.701	2.754.426.097	2.016.625.060	49.734.427.972
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	15.785.646.363	11.564.020.827	801.451.967	224.000.479	28.375.119.636
- Tại ngày cuối năm	24.080.369.285	3.929.725.183	496.782.741	308.724.199	28.815.601.408

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

08- Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	15.198.497.208	30.000.000	-	15.228.497.208
- Mua trong năm				-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				-
- Tăng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	15.198.497.208	30.000.000	-	15.228.497.208
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	11.127.116	-	11.127.116
- Khấu hao trong năm		10.294.116		10.294.116
- Tăng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	21.421.232	-	21.421.232
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
- Tại ngày đầu năm	15.198.497.208	18.872.884	-	15.217.370.092
- Tại ngày cuối năm	15.198.497.208	8.578.768	-	15.207.075.976

09- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
- Công trình nhà kho Kim Liên	-	59.090.909
- Công trình nhà kho Hòa Khánh	347.655.303	-
Cộng	347.655.303	59.090.909

10- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	130.000.000	100.000.000
Cty CP Đầu tư Vicosimex	130.000.000	100.000.000
Cộng	130.000.000	100.000.000

11- Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	75.318.746.793	28.814.395.159
Ngân hàng Công thương	21.528.032.593	9.780.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	22.763.122.200	11.394.091.159
Ngân hàng NN & PT Nông thôn	30.917.288.000	7.500.000.000
Công đoàn Công ty	110.304.000	140.304.000
Cộng	75.318.746.793	28.814.395.159

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.817.813.729	44.072.030
Cộng	4.817.813.729	44.072.030

13- Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí tại các Xí nghiệp	69.352.624	20.318.027
- Chi phí gia công tại CICO South	-	7.815.385.568
- Chi phí hạ tầng KCN Hòa Khánh	429.203.119	137.257.233
Cộng	498.555.743	7.972.960.828

14- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	71.853.222	55.674.454
- BHXH, BHYT	22.215.330	78.025.734
- Phải trả khác	1.896.692.231	7.073.143.214
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>65.582.000</i>	<i>1.020.776.700</i>
<i>Phải trả theo QĐ 1699/TTr-BCN</i>	<i>74.762.000</i>	<i>74.762.000</i>
<i>Quỹ đền ơn đáp nghĩa</i>	<i>201.618.399</i>	<i>171.804.099</i>
<i>Trần Thị Thạch</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
<i>Lê Thị Lữ</i>	<i>1.443.381.000</i>	-
<i>Công đoàn Công ty</i>	<i>13.532.832</i>	<i>7.820.817</i>
<i>Các khoản nợ khác</i>	<i>17.816.000</i>	<i>5.717.979.598</i>
Cộng	1.990.760.783	7.206.843.402

15- Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Vay dài hạn	6.992.950.000	8.624.000.000
<i>Vay ngân hàng NN & PT Nông thôn</i>	<i>6.992.950.000</i>	<i>6.996.000.000</i>
<i>Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i>	-	<i>1.628.000.000</i>
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	6.992.950.000	8.624.000.000

16- Dự phòng phải trả dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng phải trả	218.775.000	18.692.500
<i>Bảo hành sản phẩm của XN Cơ khí</i>	<i>218.775.000</i>	<i>18.692.500</i>
Cộng	218.775.000	18.692.500

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa pp	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	-	605.991.222	54.948.758	127.537.817	(41.418.140)	12.482.092.911	23.229.152.568
- Tăng vốn trong năm trước	2.361.900.000					586.520.000		2.948.420.000
- Lãi trong năm trước			3.495.232.415				3.362.282.069	6.857.514.484
- Tăng khác								-
- Giảm vốn trong năm trước						(567.120.000)		(567.120.000)
- Lỗ trong năm trước								-
- Giảm khác							(9.187.534.791)	(9.187.534.791)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	12.361.900.000	-	4.101.223.637	54.948.758	127.537.817	(22.018.140)	6.656.840.189	23.280.432.261
- Tăng vốn trong năm	3.095.190.000		561.901.070	140.000.000		84.500.000		3.881.591.070
- Lãi trong năm nay							50.242.914.606	50.242.914.606
- Tăng khác		57.481.860						57.481.860
- Giảm vốn trong năm				(1.504.000)		(62.481.860)		(63.985.860)
- Lỗ trong năm nay								-
- Giảm khác							(4.245.354.920)	(4.245.354.920)
Số dư cuối năm nay	15.457.090.000	57.481.860	4.663.124.707	193.444.758	127.537.817	-	52.654.399.875	73.153.079.017

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	5.771.870.000	3.694.000.000
- Vốn đầu tư của các đối tượng khác	9.685.220.000	8.667.900.000
Cộng	15.457.090.000	12.361.900.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.457.090.000	12.361.900.000
+ Vốn góp đầu năm	12.361.900.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	3.095.190.000	2.361.900.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.457.090.000	12.361.900.000

d- Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.663.124.707	4.101.223.637
- Quỹ dự phòng tài chính	193.444.758	54.948.758
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	788.149.669	721.656.569

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Kết Quả KD

18- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hàng hóa	498.162.821.495	316.794.059.641
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.386.549.501	71.193.956.250
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	76.766.420.622	62.136.952.455
Cộng	675.315.791.618	450.124.968.346

19- Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	6.447.892.857	-
- Giảm giá hàng bán	198.666.667	4.857.143
Cộng	6.646.559.524	4.857.143

20- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần về trao đổi sản phẩm, hàng hóa	591.902.811.472	387.983.158.748
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	76.766.420.622	62.136.952.455
Cộng	668.669.232.094	450.120.111.203

21- Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	593.034.070.278	421.858.081.755
Cộng	593.034.070.278	421.858.081.755

22- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	328.730.976	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	571.601.620
Cộng	328.730.976	571.601.620

23- Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.077.598.676	11.578.791.497
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	3.077.598.676	11.578.791.497

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.817.813.729	527.135.985
Cộng	4.817.813.729	527.135.985

VIII. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 đã được Tổng Giám đốc công ty phê duyệt và phát hành.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

TP.Tài chính Quản trị

Tổng Giám đốc

Hoàng Trung Dũng

Nguyễn Đình Huỳnh